TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HS-ST
Ngày 16/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Đăng Thiện

- Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà C Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Vi Thị C; sinh ngày 06 tháng 6 năm 1993 tại xã Tân Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Thành Lợp, xã Tân Thành, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038193034411, cấp ngày 02/04/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn Dân; con bà Lang Thị Khiết; Có chồng là Cầm Bá K và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Thường Xuân, Công an tỉnh Thanh Hóa (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Lê Thị Lý - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, Trung tân trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Cầm Bá K; sinh năm: 1993**;**

Địa chỉ: Thôn Thành Lợp, xã Tân Thành, tỉnh Thanh Hoá (Có mặt)

- Người làm chứng:

Ông Lê Văn C và chị Nguyễn Thị PA.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá (Vắng mặt).

Anh Lê Đăng Điệp; Địa chỉ: Thôn Thống Nhất, xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/01/2026, do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên Vi Thị C nảy sinh ý định xuống khu vực xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến các tiệm vàng để thực hiện hành vi tráo đổi vàng giả lấy vàng thật. C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát số 36B8-750.31 đi một mình từ nhà ở thôn Thành Lợp, xã Tân Thành đến cửa hàng tạp hóa "Bích Hồng" ở xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hoá mua một chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng có kích thước, mẫu mã tương tự như chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 9999 với giá 40.000 đồng.

Sau khi mua được nhẫn, C điều khiển xe mô tô đi hướng xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa; trên đường đi, C dừng lại dọc đường để lấy chiếc tem của cơ sở vàng bạc Mai Linh Châu (chiếc tem có được do trước đó C mua đôi hoa tai vàng ở cửa hàng này) gắn vào chiếc nhẫn vừa mua rồi tiếp tục đi đến cửa hàng vàng bạc Thịnh T ở thôn 1, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Vào cửa hàng, C lại quầy bán vàng chỗ chị Nguyễn Thị Thuỷ (sinh năm 1981, trú tại thôn 1, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá, là chủ cửa hàng), C đề nghị chị T cho xem nhẫn vàng 9999 mẫu tròn trơn loại 01 chỉ thì chị T lấy từ bên trong tủ kính của cửa hàng ra một chiếc nhẫn loại 01 chỉ đặt lên trên mặt kính của tủ đựng vàng cho C xem. Sau khi xem xong, C tiếp tục yêu cầu cho xem chiếc nhẫn vàng

9999 tròn trơn thứ 2, loại 02 chỉ nên chị T tiếp tục lấy ra một chiếc nhẫn loại 02 chỉ để trên mặt kính của tủ đựng vàng, sau đó C tiếp tục yêu cầu cho xem tiếp chiếc nhẫn vàng 9999 tròn trơn thứ 3, loại 03 chỉ và bảo chị Thuỷ tính tiền cả 03 chiếc nhẫn. Lợi dụng lúc chị Thuỷ quay người về phía sau lấy máy tính để tính tiền thì C cầm cả 03 chiếc nhẫn vàng lên tay rồi lén lút tráo đổi chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng đã chuẩn bị từ trước lấy chiếc nhẫn tròn vàng 9999 loại 02 chỉ của cửa hàng Thịnh T cho vào túi áo và nói không mua nữa mà yêu cầu xem kiềng (vòng cổ) nên chị T đã cầm cả 03 chiếc nhẫn C vừa xem cất xuống tủ kính. Sau đó, C bán cho chị Thuỷ một đôi hoa tai vàng lấy 7.350.000 đồng, C nhận tiền bán hoa tai rồi ra về. Sau khi C ra về, chị T kiểm tra nhẫn vàng tại cửa hàng phát hiện ra chiếc nhẫn kim loại màu vàng không đúng với mẫu mã, chủng loại của cửa hàng.

Đến sáng ngày 07/01/2026, Vi Thị C đến tiệm vàng bạc C Hoan ở thôn 3, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa để bán chiếc nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ (đã tráo đổi tại tiệm vàng Thịnh Thuỷ ngày 05/01/2026) đổi 01 dây chuyền vàng 9999 loại 01 chỉ và lấy số tiền chênh lệch là 14.230.000 đồng. Sau đó, C điều khiển xe máy sang tiệm vàng Thịnh Thuỷ, tại đây, C gặp lại chị Thuỷ và mua 01 nhẫn vàng 9999, loại 01 phân với giá 1.540.000 đồng. Sau khi giao dịch bán vàng cho C, chị Thuỷ nghi ngờ C là đối tượng đã tráo đổi chiếc nhẫn vàng tại cửa hàng hôm trước nên đã báo cáo Công an giải quyết.

Cùng ngày, cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành triệu tập Vi Thị C đến làm việc, tại buổi làm việc, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, C đã đầu thú và thành khẩn khai nhận về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình.

Tại Kt luận giám định số: 173/KL-KTHS ngày 09/01/2026 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an Kt luận:

01 nhẫn kim loại màu vàng dạng tròn trơn gửi giám định có khối lượng 3,35 gam là đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Cu 63,95%, Zn 36,05%, nhẫn có màu vàng do được phủ chất màu vàng không chứa vàng kim loại.

01 nhẫn kim loại màu vàng dạng tròn trơn gửi giám định có khối lượng 7,50 gam là vàng (Au); hàm lượng Au 99,98%.

Tại Kt luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND xã Lam Sơn Kt luận: *01 nhẫn kim loại màu vàng dạng tròn, mặt trong nhẫn có dòng chữ "2C VX 9999 TT Lam Sơn Trịnh T" có*

khối lượng 7,50 gam là vàng (Au); hàm lượng Au 99,98%. Tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 29.800.000 đồng.

Về thu giữ và xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị T giao nộp:

+ 01 (Một) nhẫn kim loại, màu vàng, trên nhẫn có gắn tem, nhãn một mặt ghi "Bông tai, KH: MD, KLT: 0.500 chỉ, KLV: 0.500 chỉ, KLĐ: 0.000 chỉ", một mặt ghi "CTTNHH KD VB ĐQ Mai Linh Châu, 204 Trần Phú, Thanh Hóa, NSX: CTTNHH KD VB ĐQ Mai Linh Châu, ĐC: 204 Trần Phú - TP Thanh Hóa, D240517001, xuất xứ: Việt Nam" là nhẫn Vi Thị C tráo đổi với nhẫn vàng tại cửa hàng.

+ Số tiền 1.540.000 đồng. Là tiền Vi Thị C dùng tiền lừa đảo mua 01 phân vàng tại cửa hàng vàng bạc của chị T.

- Chị Nguyễn Thị PA nhân viên cửa hàng vàng bạc C Hoan giao nộp: 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, trơn mặt trong nhẫn có dòng chữ: "2C VX 9999 TT LAM SƠN THỊNH THỦY" là nhẫn mà C dùng để bán và đổi lấy dây chuyền vàng tại cửa hàng.

- Vi Thị C giao nộp:

+ 01 (một) sợi kim loại màu vàng phần giữa có dán giấy ghi dòng chữ: "Tên SP Dây chuyền; TKL: 1,0 chỉ; Ký hiệu: KL Đá: 0; Xuất xứ: Việt Nam; KLV: 1,0 chỉ; HLV: 99%; TC 250.000 đồng" và số tiền 12.690.000 đồng. Do Vi Thị C trao đổi chiếc nhẫn vàng 02 chỉ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại tiệm vàng Thịnh Thuỷ vào ngày 05/01/2026 với tiệm vàng C Hoan mà có.

+ 01 (Một) nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, phần thân có ghi dòng chữ "LIÊN ĐINH XÃ LAM SƠN". Do Vi Thị C sử dụng một phần số tiền bán chiếc nhẫn vàng 02 chỉ (vật chứng của vụ án) để mua tại tiệm vàng Thịnh Thuỷ vào sáng ngày 07/01/2026.

+ 01 (một) xe mô tô, số biển đăng ký 36B8 - 750.31, số máy: E32VE511921 là chiếc xe C sử dụng đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 36 100145; tên chủ xe: LÊ VĂN NGUYÊN; địa chỉ: Minh Thịnh, Yên Thọ, Như Thanh, TH; Biển số đăng ký 36B8 - 750.31.

Sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan CSĐT đã trả lại số tiền 14.230.000 đồng và 01 sợi kim loại màu vàng mà C mua tại cửa hàng vàng bạc C Hoan cho ông Lê Văn

C (chủ cửa hàng) và trả 01 nhẫn vàng hình tròn trơn do C đã tráo đổi tại cửa hàng vàng bạc Thịnh T cho chị Nguyễn Thị T (chủ cửa hàng).

- Về bồi thường dân sự:

Chị T và ông Hoan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT-VKSKV8 ngày 19/3/2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Vi Thị C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Thị C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Thị C từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô YAMAHA Sirius BKS 36B8 - 750.31 mà bị cáo sử dụng đi lại để thực hiện hành vi phạm tội, đây là xe anh Cầm Bá K (chồng của bị cáo) mua lại của anh Lê Văn Nguyên (chưa làm thủ tục sang tên), là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng, do đó đề nghị HĐXX tuyên tịch thu phát mại 1/2 giá trị chiếc xe để sung quỹ Nhà nước, còn 1/2 giá trị chiếc xe trả lại cho anh Cầm Bá K.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Cầm Bá K trình bày: Chiếc xe mô tô YAMAHA Sirius BKS 36B8 - 750.31 mà vợ anh sử dụng là xe anh dùng tiền riêng mới mua lại của anh Lê Văn Nguyên là bạn thân với anh vào ngày 16/12/2025, do khó khăn nên anh K mới trả cho anh Nguyên được một ít tiền và lấy xe về đi, phần còn lại anh K hẹn trả trước tết; sau khi lấy xe về anh K đi làm thuê ở tỉnh Bắc Ninh, xe để ở nhà cho vợ sử dụng đưa đón 02 con nhỏ đi học, việc vợ anh sử dụng đi tráo đổi nhẫn vàng anh không biết, gia đình anh là hộ cận nghèo, chiếc xe là phương tiện duy nhất của anh, vì vậy anh K đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe cho anh để có phương tiện đi lại.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị C trình bày luận cứ: Đồng ý với nội dung cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân tốt của bị cáo; bị cáo phạm tội lần

đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã khắc phục hậu quả, giao nộp lại toàn bộ tài sản do phạm tội mà có cho cơ quan điều tra để trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú tại cơ quan điều tra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên phần nào ảnh hưởng đến nhận thức pháp luật của bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo là hộ cận nghèo nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo.

Bị cáo Vi Thị C nhận tội và đồng ý với luận cứ của người bào chữa nên không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết tội, rất ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại chị Nguyễn Thị T và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm; người làm chứng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ, vì vậy không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các vật chứng đã thu

giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để Kt luận:

Vào ngày 05/01/2026, do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, Vi Thị C đã nảy sinh ý định sử dụng nhẫn vàng giả để tráo đổi nhẫn vàng 9999 của cơ sở kinh doanh vàng bạc. Để thực hiện ý định, C đã chuẩn bị một nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng có đặc điểm tương tự như loại nhẫn tròn trơn 02 chỉ vàng 9999 rồi đi đến cơ sở kinh doanh vàng bạc Thịnh Thuỷ, có địa chỉ ở thôn 1, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Tại đây, C đã yêu cầu chị Nguyễn Thị T (chủ cửa hàng) giao 03 chiếc nhẫn vàng 9999 dạng tròn trơn, gồm các loại 01 chỉ, 02 chỉ và 03 chỉ để xem hàng rồi lợi dụng lúc chị T sơ hở để tráo đổi, chiếm đoạt 01 nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ, trị giá 29.800.000 đồng *(Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng)*.

Hành vi của Vi Thị C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội trên địa bàn, vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã khắc phục hậu quả giao lại tài sản lừa đảo cho cơ quan điều tra để trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo đầu thú tại cơ quan điều tra; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt đối với bị cáo: Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và luận cứ của người bào chữa, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên số lượng tài sản bị cáo thực hiện lừa đảo là lớn so với khung hình phạt (29.800.000đ). Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền, tuy nhiên bị cáo là hộ cận nghèo, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về dân sự nên không xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô YAMAHA Sirius BKS 36B8 - 750.31 bị cáo đã sử dụng đi lại để thực hiện hành vi phạm tội, đây là xe anh Cầm Bá K (chồng của bị cáo) mới mua lại của bạn là anh Lê Văn Nguyên vào ngày 16/12/2025 (chưa thanh toán hết tiền, chưa làm thủ tục sang tên), sau khi mua xe anh K để xe ở nhà rồi đi làm thuê ở tỉnh Bắc Ninh, bị cáo đã tự ý sử dụng xe làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội, anh K không biết việc này. Như vậy chiếc xe trên chưa đủ điều kiện để xác định là tài sản chung của vợ chồng hợp pháp. Gia đình anh K là hộ cận nghèo, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chiếc xe là phương tiện duy nhất của anh K nên anh K đề nghị HĐXX xem xét trả lại chiếc xe để có phương tiện đưa đón 02 con nhỏ đi học. Xét thấy đề nghị của anh K là phù hợp nên trả lại chiếc xe cùng giấy tờ xe cho anh K.

Đối với chiếc nhẫn mỹ ký màu vàng mà bị cáo sử dụng để tráo đổi nhẫn vàng 9999, xét thấy không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo là hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331,333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào các Điều 292, 293, 299, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Thị C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vi Thị C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng**:** Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Cầm Bá K 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, biển số đăng ký: 36B8-750.31, màu sơn xám, xanh, đen, dung tích 110CC, xe cũ đã qua sử dụng. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 36 100154; tên chủ xe LÊ VĂN NGUYÊN biển số đăng ký: 36B8 - 750.31 do phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 25/03/2022.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) nhẫn kim loại, màu vàng.

(Vật chứng được ghi chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 58, ngày 27/3/2026 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Thanh Hóa và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Thanh Hóa)

- Về án phí: Bị cáo Vi Thị C được miễn án phí.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Long